TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 19-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hồng Hải.

Bà Lê Thị Hồng Loan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1969.

Đăng ký thường trú: ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Kim L: Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1998; đăng ký thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; địa chỉ liên lạc: ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, văn bản ủy quyền ngày 18/3/2022.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 21 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/02/2016, bà Võ Thị Kim L cho bà Nguyễn Thị H mượn số tiền 60.000.000 đồng, việc giao nhận tiền có viết "Giấy Mượn Tiền" tại nơi ở trọ của bà Nguyễn Thị H tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay bà Lệ không nhớ địa chỉ cụ thể), nội dung "Giấy Mượn Tiền" do bà L viết, còn chữ viết "h, nguyễn thị h" phía dưới mục "Người mượn tiền ký tên" là do bà Nguyễn Thị H tự viết. Việc giao nhận tiền và viết "Giấy Mượn Tiền" chỉ có bà L với bà H tự thực hiện, không có ai khác chứng kiến, thời hạn trả nợ 03 tháng. Khi mượn tiền của bà L thì bà H ghi địa chỉ thường trú và có giao Sổ hộ khẩu bản chính cho bà L giữ xác định địa chỉ của bà H tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, bà L tin tưởng nên cho bà H mượn tiền. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, bà L nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả nợ nhưng không được, bà H cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà Võ Thị Kim L yêu cầu như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà L số tiền vốn gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc do chậm trả, với lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/3/2021 là 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính đến tháng 3 năm 2021 là 65.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 18/TB-TLVA ngày 03 tháng 3 năm 2022, tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú của bà H tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì cơ quan Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác định bà H có đăng ký thường trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện nay bà H không có mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bà H trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, bị đơn vay tiền của nguyên đơn có làm biên nhận nợ, có giao Sổ hộ khẩu bản chính cho nguyên đơn giữ nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền đã mượn và lãi suất chậm thanh toán 10%/năm kể từ ngày 21/5/2020 đến cho đến ngày xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là bà Nguyễn Thị H có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Người khởi kiện bà Võ Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà L số tiền mượn vốn gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc do chậm trả, với lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/3/2021 là 5.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho bà Võ Thị Kim L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà Võ Thị Kim L và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay không có lãi) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị H:

[1.2.1] Theo đơn khởi kiện, bà Võ Thị Kim L căn cứ vào "Giấy Mượn Tiền" lập ngày 20/02/2016, ghi địa chỉ của bà H tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và bà H có giao Sổ hộ khẩu bản chính của bà H cho bà L giữ, xác định nơi đăng ký thường trú của bà H ghi trong Sổ hộ khẩu tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú của bà H tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì cơ quan Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác định bà H có đăng ký thường trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện nay bà H không có mặt tại địa phương. Tòa án

thông báo cho nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà Nguyễn Thị H, thì nguyên đơn cho rằng bà H cố tình trốn tránh việc trả nợ cho nguyên đơn nên bà H không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà H cho nguyên đơn nên không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho Tòa án và nguyên đơn căn cứ vào địa chỉ của bà H ghi trong "Giấy Mượn Tiền" lập ngày 20/02/2016 và Sổ hộ khẩu của bà H xác định nơi đăng ký thường trú của bà H tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn nên yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2.2] Theo khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại điểm d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án (sau đây gọi tắt là: Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), quy định: *"Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015"*.

[1.2.3] Tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nơi cư trú của cá nhân như sau: *"Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới"*.

[1.2.4] Căn cứ theo khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn như trong "Giấy Mượn Tiền" và đúng theo sổ hộ khẩu bị đơn giao cho nguyên đơn giữ khi mượn tiền và bị đơn là người mượn tiền của nguyên đơn, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới là vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2.5] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định địa chỉ của bị đơn Nguyễn Thị H tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hương G vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L là chị Nguyễn Thị Hương G yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Võ Thị Kim L số tiền mượn (vay không có lãi) vốn gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc do chậm trả, với lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tính từ ngày 21/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/9/2022.

[4] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Võ Thị Kim L số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại "Giấy Mượn Tiền" lập ngày 20/02/2016 thể hiện nội dung: "Tôi tên: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, số chứng minh nhân dân 365711095, hiện thường trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có mượn chị Võ Thị Kim L, sinh năm 1969 số tiền là 60.000.000 đ (sáu chục triệu đồng). Tôi hẹn trong 3 tháng sẽ trả hết nợ. TP. Ngày 20-2-2016. Người mượn tiền ký tên. h, nguyễn thị h". Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H không có văn bản trả lời cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L, Tòa án không lấy được lời khai của bà H. Tòa án thông báo yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, thì người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày là khi bị đơn mượn tiền của nguyên đơn, bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ bản chính "*Sổ hộ khẩu số: 520056804, họ và tên chủ hộ: Hà Văn M, vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, CMND số: 365711095 do Công an xã A, huyện C cấp ngày 13/11/2012, hồ sơ hộ khẩu số: 11557, sổ đăng ký thường trú số: 13*", Tòa án đã xem Sổ hộ khẩu và đối chiếu đúng với bản chính, lưu vào hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền, bên vay tài sản là bà Nguyễn Thị H không trả tiền cho bên cho vay là nguyên đơn bà Võ Thị Kim L theo thỏa thuận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn trả tiền cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, tại "Giấy Mượn Tiền" lập ngày 20-2-2016, bị đơn mượn số tiền 60.000.000 đồng của nguyên đơn và hẹn thời hạn trả là 03 tháng sau nhưng đến hạn bị đơn không trả số tiền vốn gốc đã mượn của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi

suất 10%/năm kể từ ngày 20/5/2020. Theo "Giấy Mượn Tiền" nêu trên, thì ngày đến hạn là ngày 20/5/2016 nhưng do nguyên đơn ghi nhầm về thời gian nên nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 20/5/2020 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án. Tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì *"1) Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2) Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"*. Theo đó khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. ..."*. Căn cứ vào các quy định trên, thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả 60.000.000 đồng kể từ ngày 20/5/2020 cho đến ngày 19/9/2022 là 02 năm 03 tháng 30 ngày, tính tròn là 02 năm 04 tháng với số tiền 14.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định tại đoạn [4], [5], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L về yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà L toàn bộ số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ 14.000.000 đồng (từ ngày 21/5/2020 đến ngày 19/9/2022 là 02 năm 03 tháng 30 ngày, tính tròn là 02 năm 04 tháng). Tổng cộng: 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

[7.2] Nguyên đơn bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số: 0001801 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 40; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại điểm d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim L số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ 14.000.000 đồng (từ ngày 21/5/2020 đến ngày 19/9/2022 là 02 năm 03 tháng 30 ngày, tính tròn là 02 năm 04 tháng). Tổng cộng: 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Võ Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Nguyên đơn bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001801 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn